

Đánh giá thực trạng hoạt động đào tạo của các trường sư phạm ở Việt Nam

VŨ QUẢNG*

Tóm tắt

Nâng cao chất lượng đào tạo (CLĐT) của các trường sư phạm có vai trò đặc biệt quan trọng góp phần bảo đảm sự thành công của sự nghiệp đổi mới giáo dục đại học (GDĐH) ở Việt Nam. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, chất lượng đào tạo ngành sư phạm đang còn nhiều bất cập. Bài viết cung cấp một cái nhìn tổng quan về thực trạng hoạt động đào tạo các trường đại học nói chung và các trường sư phạm nói riêng ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết đã đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần nâng cao hoạt động đào tạo của các trường đại học sư phạm (ĐHSP) trong thời gian tới.

Từ khóa: đào tạo, chất lượng đào tạo, trường đại học sư phạm

Summary

Improvement of training quality of pedagogical schools has a particularly important role in the success of education renovation. However, the quality of pedagogical training stays inadequate. This paper provides an overview of the current training situation in universities in general and pedagogical schools in particular in Vietnam. On that basis, it proposes a number of recommendations to improve training activities of pedagogical schools in the future.

Keywords: training, training quality, pedagogical schools

GIỚI THIỆU

CLĐT đại học là kết quả của quá trình đào tạo ở bậc đại học phản ánh ở các đặc trưng về phẩm chất, giá trị nhận thức và giá trị sức lao động hay năng lực hành nghề của người tốt nghiệp tương ứng với mục tiêu, chương trình đào tạo của các ngành, nghề cụ thể (Nguyễn Thị Quế Anh, 2017). Nâng cao CLĐT có vai trò quan trọng giúp nâng cao vị thế và thương hiệu của trường đại học trên thị trường, cũng như góp phần nâng cao, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Những năm gần đây, giáo dục Việt Nam đã có những bước phát triển quan trọng với sự gia tăng về số lượng trường (công lập, tư thục) và số lượng học sinh, sinh viên. Tuy nhiên, chất lượng GDĐH Việt Nam hiện nay còn chưa đáp ứng được yêu cầu của nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập và cách mạng công nghiệp. Chất lượng giáo dục chậm được cải thiện

một phần rất quan trọng là do chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp chưa được cải thiện một cách căn bản về chất lượng. Số lượng giáo viên còn thiếu ở một số cấp học, tỷ lệ giáo viên trên sinh viên/học sinh còn cao so với nhiều quốc gia có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Đây là vấn đề của cả hệ thống giáo dục, song trong đó, có trách nhiệm rất lớn của các trường đại học và cao đẳng sư phạm - nơi đào tạo ra các "máy cày" cho cả hệ thống giáo dục quốc dân.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng các dữ liệu thứ cấp gồm các nghiên cứu có liên quan, các dữ liệu thống kê trong Niên giám Thống kê của Tổng cục Thống kê, số liệu thống kê

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Ngày nhận bài: 05/12/2019; Ngày phản biện: 12/12/2019; Ngày duyệt đăng: 22/12/2019

BẢNG 1: QUY MÔ TRƯỜNG, SINH VIÊN VÀ GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2010-2017

STT	Chỉ số thống kê		2010-2011	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1	Trường Đại học	Công lập	138	156	159	163	170
		Ngoài công lập	50	58	60	60	65
		Tổng số	188	214	219	223	235
2	Sinh viên	Công lập	1.246.400	1.493.354	1.596.754	1.520.807	1.523.904
		Ngoài công lập	189.500	176.669	227.574	232.367	243.975
		Tổng số	1.435.900	1.670.023	1.824.328	1.753.174	1.767.879
3	Giảng viên	Công lập	43.400	52.500	52.689	55.401	57.634
		Ngoài công lập	7.600	12.706	12.975	14.190	15.158
		Tổng số	51.000	65.206	65.664	69.591	72.792
Tỷ lệ SV/GV (%)			28,15	25,61	27,77	25,19	24,28

từ Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các thông tin, dữ liệu này được thu thập bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

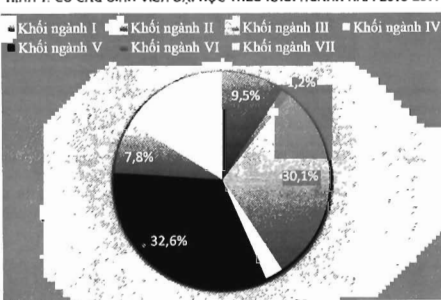
Thực trạng hoạt động đào tạo các trường đại học ở Việt Nam hiện nay

Kết quả thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy, có sự gia tăng về quy mô của các trường đại học, cao đẳng (công lập và ngoài công lập) trong giai đoạn 2010-2017.

Bảng 1 cho thấy: số lượng sinh viên năm 2017 tăng 1,18 lần so với năm 2010, số lượng giảng viên năm 2017 tăng 1,47 lần so với năm 2010, tỷ lệ sinh viên/giảng viên trong khoảng từ 24,28-28,15/1. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên là tương đối cao, tỷ lệ này ở các nước có nền giáo dục đại học phát triển trên thế giới nằm trong khoảng 15-20/1.

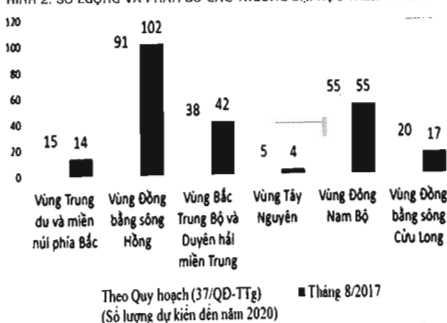
Kết quả thống kê năm học 2016-2017 cho thấy, có sự mất cân đối giữa tỷ lệ sinh viên theo học tại các khối ngành, số lượng sinh viên tập trung vào khối ngành: Kinh doanh quản lý và pháp luật (thuộc khối ngành III) chiếm 30,1% và khối ngành: Toán và thống kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Nông lâm và thủy sản; Thú y (thuộc khối ngành V) chiếm 32,6%. Chỉ tính riêng tổng 2 khối ngành III và V, thì cơ cấu quy mô sinh viên đại học chính quy đã chiếm 62,7% so với các khối ngành còn lại (Hình 1). Điều này có thể dẫn đến hệ lụy cho việc sinh viên ra trường không có việc làm trong những năm gần đây.

HÌNH 1: CƠ CẤU SINH VIÊN ĐẠI HỌC THEO KHỐI NGÀNH NĂM 2016-2017



Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo và Tổng cục Thống kê

HÌNH 2: SỐ LƯỢNG VÀ PHÂN BỐ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN TOÀN QUỐC



Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo

BẢNG 2: CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 2013-2017

STT	Chỉ số thống kê	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	
1	Đại học, cao đẳng	Số lượng	21.006	17.251	16.251	12.519
		%	32,21	26,46	22,85	19,20
2	Chuyên khoa cấp I + II	Số lượng	319	563	620	523
		%	0,49	0,86	0,95	0,80
3	Thạc sĩ	Số lượng	34.152	37.090	40.426	43.127
		%	52,38	56,88	62,00	66,14
4	Tiến sĩ	Số lượng	9.653	10.424	13.598	16.514
		%	14,80	15,87	19,54	22,69
5	Phó giáo sư	Số lượng	2.902	3.290	3.317	4.113
		%	4,45	5,01	4,77	5,65
6	Giáo sư	Số lượng	487	536	550	574
		%	0,75	0,82	0,79	0,79
7	Khác	Số lượng	76	336	50	109
		%	0,12	0,52	0,08	0,17
Tổng giảng viên		65.206	65.664	69.591	72.792	

Nguồn: Dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Tổng cục Thống kê

Bên cạnh đó, tình trạng mất cân đối về cơ cấu giáo dục tại các cơ sở GDĐH công lập cũng là một trong các nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu lực lượng lao động chất lượng cao trong hầu hết các ngành khoa học - công nghệ, công nghệ thông tin và các ngành công nghiệp và là điều kiện quan trọng quyết định phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam. Một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới CLĐT còn hạn chế và cơ cấu ngành nghề chưa hợp lý, cũng như chưa đáp ứng được nhu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước là do các cơ sở GDĐH và cao đẳng công lập mở ra các ngành đào tạo vẫn chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và năng lực vốn có của trường, dẫn đến tình trạng những ngành xã hội cần, thì lại thiếu, kết quả đào tạo sinh viên của các ngành vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Ngoài ra, các cơ sở GDĐH và cao đẳng công lập tập trung chủ yếu tại các thành phố lớn và các tỉnh, đặc biệt tập trung ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh (Hình 2). Đây là một trong những nguyên nhân gây mất cân đối về đào tạo nguồn nhân lực cho các khu vực kinh tế - xã hội còn khó khăn, như: Tây Nam Bộ, Tây Nguyên và Tây Bắc (Nguyễn Văn Phong và Nguyễn Thị Kim Ngân, 2018).

Bảng 2 cho thấy: tỷ lệ giảng viên có học vị thạc sĩ chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng tăng dần từ 52,38% năm học 2013-2014 tới 66,14% năm học 2016-2017; tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ vẫn chiếm tỷ trọng thấp, mặc dù có tăng liên tục trong những năm gần đây, đạt 22,67% năm học 2016-2017 (trong khi đó, ở các trường đại học trung bình phương Tây khoảng 70% giảng viên đại học có trình độ tiến sĩ); tỷ lệ giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư còn rất thấp (khoảng

6%). Có thể thấy được cơ cấu, tỷ lệ, số lượng và chất lượng giảng viên tại các cơ sở GDĐH công lập vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của xã hội và trong tương lai gần về đào tạo. Điều này có thể ảnh hưởng tới kết quả đào tạo của sinh viên tại các cơ sở GDĐH công lập.

Nguyễn Văn Phong và Nguyễn Thị Kim Ngân (2018) đã chỉ ra rằng, số lượng lao động có trình độ đại học thất nghiệp trong độ tuổi lao động thời gian qua tăng cao hơn so với số tốt nghiệp và có việc làm. Số lao động có trình độ đại học trở lên không có việc làm vào năm 2018 khoảng 128.100 lao động.

Theo các chuyên gia giáo dục, có nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng thất nghiệp ở sinh viên sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở GDĐH và cao đẳng công lập. Trong đó, những nguyên nhân chủ yếu là: chất lượng đào tạo tại các cơ sở GDĐH và cao đẳng công lập còn chưa cao, nhất là các chương trình đào tạo sau đại học, liên thông và liên kết

Bên cạnh đó, các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ công đồng còn nhiều hạn chế. Một số cơ sở GDĐH và cao đẳng công lập sau một thời gian hoạt động vẫn chưa có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng theo để đạt thành tích cao. Bên cạnh đó, việc thành lập trường, mở ngành, xác định chỉ tiêu tuyển sinh...

của các cơ sở GDĐH công lập vẫn chưa bám sát yêu cầu của các nhà tuyển dụng, mà chủ yếu dựa trên năng lực của các trường.

Ngoài ra, các chính sách và cơ chế của các cơ sở GDĐH công lập và ngoài công lập còn nhiều bất cập khi vấn đề tự chủ tài sự cho các trường còn chưa được tháo gỡ.

Thực trạng hoạt động đào tạo của các trường sư phạm

Hiện nay, ở nước ta, có 63 cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục với 15 trường ĐHSP và 48 trường đại học có khoa đào tạo sư phạm. Các trường ĐHSP giữ vị trí đặc biệt quan trọng, là nơi đào tạo ra đội ngũ giáo viên, giảng viên tương lai cho nền giáo dục nước nhà. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, chất lượng GDĐH nói chung và chất lượng đầu ra sinh viên khối ngành sư phạm nói riêng đang còn nhiều bất cập. Cụ thể, theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, số sinh viên đã tốt nghiệp chưa có việc làm và dự kiến ra trường năm 2018, 2019 chưa có việc làm ngay có thể rơi vào khoảng 40.000 người. Trong đó, khoảng 50% vẫn chờ có hội để được vào ngành hoặc quay lại làm việc đúng ngành nghề nếu có cơ hội (Nguyễn Thị Kim Phụng, 2018). Có nhiều nhân tố có thể ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra sinh viên khối ngành sư phạm, như: chương trình đào tạo, chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên, nguồn lực tài chính, đặc điểm hộ gia đình và sinh viên, chất lượng đầu vào của sinh viên, cơ sở vật chất, học liệu... (Trương Thị Hiền, 2017; Rossi, 2017; Mohamed, 2018).

Cả nước hiện nay có 113 cơ sở đào tạo giáo viên (trường sư phạm) gồm: 15 trường ĐHSP, 48 trường đại học đa ngành có đào tạo sư phạm, 30 trường cao đẳng sư phạm, 19 trường cao đẳng đa ngành có đào tạo sư phạm và 2 trường trung cấp sư phạm. Các cơ sở đào tạo phân bố dàn trải ở tất cả vùng, miền, địa phương, với số lượng lớn các trường ĐHSP, tập trung ở các thành phố lớn.

Ngoài ra, có sự phân tán trong quản lý nhà nước đối với các trường sư phạm, điều này gây khó khăn trong việc quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường. Cụ thể: một số trường ĐHSP trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc đại học vùng (Đại học Thăng Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng); một số trường ĐHSP đặc thù trực thuộc các

bộ, ngành khác (ví dụ: Trường ĐHSP Thể dục thể thao, Trường ĐHSP Kỹ thuật, Trường ĐHSP Nghệ thuật...); trường đại học giáo dục trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, chịu sự quản lý trực tiếp của Chính phủ; các trường CĐSP trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; trường cao đẳng và trung cấp khác có đào tạo giáo viên trực thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hoặc trực thuộc UBND các tỉnh... (Hiếu Nguyễn, 2018). Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ chủ quản 10 trường đào tạo có đào tạo sư phạm (bằng khoảng 10% cơ sở đào tạo sư phạm), nên việc khống chế chỉ tiêu sư phạm bằng biện pháp hành chính là rất khó khăn.

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên giữa các ngành đào tạo và giữa các trường theo vùng, miền không đồng đều; năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học, phát triển chương trình và đổi mới phương pháp giảng dạy của đa số giảng viên còn hạn chế, nhất là thiếu các chuyên gia đầu ngành, những giảng viên cốt cán có trình độ chuyên môn và tay nghề cao. Đội ngũ giảng viên của các trường sư phạm chưa được quan tâm bồi dưỡng nâng cao năng lực và chưa hình thành được lực lượng nghiên cứu sâu về khoa học giáo dục, nên chưa thực sự đi đầu trong việc đổi mới giáo dục, thiếu gắn kết với thực tiễn giáo dục phổ thông (Nam Phong, 2019). Ngoài ra, việc chưa hình thành được hệ thống kết nối giữa các trường sư phạm với nhau và giữa các trường với các cấp quản lý giáo dục địa phương, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông dẫn đến nhiều sinh viên tốt nghiệp sư phạm ra trường không có việc làm, hoặc làm không đúng ngành nghề, trong khi lại xảy ra tình trạng thừa - thiếu giáo viên cục bộ ở nhiều nơi.

Một số trường sư phạm có các khoa đào tạo thực hiện nhiệm vụ trùng với nhiệm vụ chủ chốt của trường khác, như: Trường ĐHSP Hà Nội có khoa Nghệ thuật, khoa Giáo dục thể chất trong khi đã có Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương, Trường ĐHSP Thể dục thể thao Hà Nội. Đáng chú ý, trên cùng địa bàn có nhiều trường sư phạm cùng đào tạo một ngành gây nên sự chồng chéo. Điển hình trên địa bàn Hà Nội, có tới 8 trường đại học, cao đẳng và trung cấp tuyển sinh, đào tạo ngành giáo viên mầm non. Hoạt động đào tạo của giáo viên của nhiều trường vẫn chủ yếu chạy theo số lượng, chưa quan tâm đúng mức đến chất lượng và nhu cầu nguồn nhân lực cũng như bám sát quy hoạch đội ngũ của ngành giáo dục, của các địa phương. Phần lớn các trường sư phạm mới tập trung vào nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, chưa chú trọng vào nghiên cứu (Mạnh Xuân và Giang Sơn, 2019).

MỘT SỐ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Trước bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế và chịu sự tác động của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0. Nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao để

đáp ứng nhu cầu của xã hội đang là một vấn đề được Đảng và Chính phủ quan tâm. Đầu tư cho giáo dục, đào tạo được Đảng và Chính phủ coi là yếu tố then chốt để thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Vì vậy, thời gian tới, cần chú ý giải quyết một số vấn đề sau:

Thứ nhất, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng các trường sư phạm để làm cơ sở phân hạng chất lượng và quy hoạch các trường sư phạm nhằm bảo đảm chất lượng toàn bộ hệ thống. Việc quy hoạch đảm bảo tính khả thi, phân bổ hợp lý, đẩy mạnh tự chủ đại học, đẩy mạnh xã hội hóa, tăng tính kết nối trong hệ thống. Bên cạnh đó, Bộ cũng cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa các trường sư phạm, giữa Bộ với các địa phương...

Thứ hai, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tăng cường công tác dự báo nhu cầu nhân lực, khảo sát nhu cầu xã hội trong từng giai đoạn để các trường xây dựng phương án tuyển sinh, đào tạo hợp lý.

Thứ ba, Chính phủ cần chú trọng đầu tư đào tạo đội ngũ cán bộ công chức, cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo và đội ngũ giảng viên. Cần bố trí nguồn lực đầu tư đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên cả về chuyên môn, nghiệp vụ, số lượng, chất lượng và đạo đức. Bởi đây là bộ phận nòng cốt có tác động trực tiếp vào chất lượng giáo dục. Do đó, các cơ sở GDĐH, cao đẳng cần tiếp tục đổi mới cơ chế tuyển, hoàn thiện chính sách đãi ngộ, cũng như tôn vinh đội ngũ giảng viên. Đối với các trường ĐHSP, cần sớm ban hành bộ chuẩn nghề nghiệp giảng viên sư phạm: đào tạo, bồi dưỡng giảng viên sư phạm chủ chốt ở các nước phát triển.

Thứ tư, cần đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư cho các trường sư phạm; tăng cường đầu tư cho các trường

ĐHSP trọng điểm để cạnh tranh với thị trường lao động của các nước ASEAN; thay đổi cơ bản phương thức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, tiến tới thực hiện phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên cho các trường sư phạm.

Thứ năm, Chính phủ cần tăng cường hơn nữa đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống giáo dục. Trong những năm gần đây, Đảng và Chính phủ cũng tập trung đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho giáo dục, nhưng cơ sở vật chất của các cơ sở GDĐH vẫn còn rất thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Mặc dù, quy mô học sinh, sinh viên, cũng như các cơ sở trường đại học, cao đẳng tăng lên nhanh chóng trong những năm gần đây, nhưng chất lượng cơ sở vật chất không được tăng lên tương xứng. Hiện trạng này ảnh hưởng tới chất lượng học tập và đào tạo.

Thứ sáu, cơ chế tài chính cho các cơ sở GDĐH cần được đổi mới theo hướng tăng quyền tự chủ, tự quyết và tự chịu trách nhiệm. Hạn chế phương thức tính bình quân một mức chi cho tất cả các cơ sở GDĐH, cao đẳng công lập cho các ngành học và các nghề đào tạo. Đồng thời, Chính phủ cần có giải pháp huy động nguồn lực từ xã hội và doanh nghiệp để phát triển và phát huy cao chất lượng giáo dục, đào tạo, tổng kết đánh giá và tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực giáo dục và đào tạo. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Quế Anh (2017). Nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong Học viện Chính trị khu vực I - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. *Nghiên cứu thực tiễn giáo dục*, 140, 84-88
2. Trương Thị Hiền (2017). *Quản lý tài chính tại các trường đại học công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh trong điều kiện tự chủ*, Luận án tiến sỹ kinh tế Học viện Tài chính
3. Nguyễn Văn Phong, Nguyễn Thị Kim Ngân (2018). Thực trạng đội ngũ giảng viên các trường đại học công lập ở Việt Nam. *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, ngày đăng 20/11/2018
4. Nam Phong (2019). *Góc nhìn từ các chuyên gia về thực trạng quy hoạch mang lưới các trường sư phạm*. truy cập từ <https://giaoduc.net.vn/giao-duc-24h/goc-nhin-tu-cac-chuyen-gia-ve-thuc-trang-quy-hoach-mang-luoi-cac-truong-su-pham-post199112.gd>
5. Mạnh Xuân và Giang Sơn (2019). *Sắp xếp, bảo đảm chất lượng đào tạo của các trường sư phạm*. truy cập từ <https://www.nhandan.com.vn/giaoduc/dien-dan/item/40957902-sap-xep-bao-dam-chat-luong-dao-tao-cua-cac-truong-su-pham.html>
6. Hiếu Nguyễn (2018). *Bài toán quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm*. truy cập từ <https://giaoducthoidai.vn/giao-duc/bai-toan-quy-hoach-mang-luoi-cac-truong-su-pham-3954963-b.html>
7. Maruzzezza Rossi (2017). Factors Affecting Academic Performance of University Evening Students. *Journal of Education and Human Development*, 6(1), 96-102
8. Ali Abdi Mohamed, Abdulkadir Mohamud Dahie, Abdi Abshir Warsame (2018) Factors Affecting Student Academic Performance: Case Study from University of Somalia in Mogadishu-Somalia. *IOSR Journal of Humanities and Social Science (IOSR-JHSS)*, 23(3), 73-80